

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2023/DS-ST

Ngày: 23-03-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Chí Nguyễn

2. Bà Lê Hồng Thắm

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X

Địa chỉ: Tầng K, Văn phòng số H, Tòa nhà C, số E, Lê R & 47 Lý G, Phường D, Quận Q, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần X - chi nhánh Q, theo nội dung ủy quyền tại Giấy ủy quyền số 137/2021/EIB/UQ-TQĐ ngày 28/9/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Đức L, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân, Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh Q (Giấy ủy quyền số 88/2022/EIB.BL-GUQ đề ngày 03/8/2022).

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp Q, thị trấn E, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Ông L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần X - ông Dương Đức L trình bày:

Anh Lê Văn T có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần X để vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần X với nội dung cụ thể như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày 27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014.

- Số tiền vay: 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng); Dư nợ hiện tại: 28.009.000 đồng; Thời hạn vay: 240 tháng, kể từ ngày 27/06/2011 đến ngày 27/6/2031; Lãi suất vay: 17%/năm.

- Kỳ hạn trả gốc: Hàng tháng

- Kỳ hạn trả lãi: Hàng tháng

- Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

* Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày 01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/2014.

- Số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

- Dư nợ hiện tại: 7.996.492 đồng; Thời hạn vay: 180 tháng, kể từ ngày 01/8/2012 đến ngày 01/8/2027; Lãi suất vay: 17%/năm.

- Kỳ hạn trả gốc: Hàng tháng

- Kỳ hạn trả lãi: Hàng tháng

- Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

* Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014

- Số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);

- Dư nợ hiện tại: 12.333.361 đồng; Thời hạn vay: 120 tháng, kể từ ngày 23/8/2014 đến ngày 23/8/2024; Lãi suất vay: 17%/năm.

- Kỳ hạn trả gốc: Hàng tháng

- Kỳ hạn trả lãi: Hàng tháng

- Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để bảo đảm các khoản nợ vay trên, anh Lê Văn T không có thể chấp tài sản, anh T được cho vay theo sản phẩm cho vay cán bộ công nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần X (tín chấp).

Trong quá trình quan hệ tín dụng, kể từ ngày 05/9/2021, anh Lê Văn T đã nhiều lần vi phạm hợp đồng phát sinh nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần X yêu cầu anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/03/2023 là 67.195.748 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày 27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 36.693.321 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm hai mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.009.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng), lãi

trong hạn là 7.472.957 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 1.211.364 đồng (Một triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày 01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 11.673.988 đồng (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.996.492 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng), lãi trong hạn là 2.250.568 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), lãi quá hạn là 1.426.928 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 18.828.439 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.333.361 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi một đồng), lãi trong hạn là 3.471.156 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn một trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 3.023.922 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

Và Ngân hàng yêu cầu anh T trả tiền lãi phát sinh tiếp tục kể từ ngày 24/03/2023 cho đến khi anh T trả xong nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Lê Văn T không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh T cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần X theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Lê Văn T. Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X với số tiền tính đến ngày 23/03/2023 là 67.195.748 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày

27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 36.693.321 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm hai mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.009.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng), lãi trong hạn là 7.472.957 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 1.211.364 đồng (Một triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày 01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 11.673.988 đồng (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.996.492 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng), lãi trong hạn là 2.250.568 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), lãi quá hạn là 1.426.928 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 18.828.439 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.333.361 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi một đồng), lãi trong hạn là 3.471.156 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn một trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 3.023.922 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

và buộc anh T trả tiền lãi phát sinh từ ngày 24/03/2023 đến ngày anh T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Đức L có đơn xin vắng mặt, anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho anh T theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L và anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Lê Văn T:

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thương mại cổ phần X có cung cấp các hợp đồng tín dụng đã ký kết với anh Lê Văn T, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày 27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng

tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày 01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/201; Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho anh T theo quy định, nhưng anh T vẫn vắng mặt xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, anh T cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Đức L - đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần X trình bày: Trong quá trình vay vốn, anh T đã vi phạm hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, nhưng anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 23/03/2023 là 67.195.748 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày 27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 36.693.321 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm hai mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.009.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng), lãi trong hạn là 7.472.957 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 1.211.364 đồng (Một triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày 01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 11.673.988 đồng (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.996.492 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng), lãi trong hạn là 2.250.568 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), lãi quá hạn là 1.426.928 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 18.828.439 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.333.361 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi một đồng), lãi trong hạn là 3.471.156 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi một

ngàn một trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 3.023.922 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi ba ngàn chín trăm hai mươi hai đồng).

và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/03/2023 đến ngày anh T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần X là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, buộc anh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X vốn, lãi tính đến ngày 23/03/2023 tổng cộng là 67.195.748 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày 27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 36.693.321 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn ba trăm hai mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.009.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm lẻ chín ngàn đồng), lãi trong hạn là 7.472.957 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 1.211.364 đồng (Một triệu hai trăm mười một ngàn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày 01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 11.673.988 đồng (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.996.492 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng), lãi trong hạn là 2.250.568 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn năm trăm sáu mươi tám đồng), lãi quá hạn là 1.426.928 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 18.828.439 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.333.361 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi một đồng), lãi trong hạn là 3.471.156 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn một trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 3.023.922 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi ba ngàn chín trăm hai mươi hai đồng).

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm anh Lê Văn T phải chịu nộp là 67.195.748 đồng x 5% = 3.359.787 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần X đã dự nộp 1.510.00 đồng (Một triệu năm trăm mười nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003344 ngày 14/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Lê Văn T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền nợ tính đến ngày 23/03/2023 tổng cộng là 67.195.748 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-2011100293 ngày 27/6/2011 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201100293/2011/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 36.693.321 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn ba trăm hai mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 28.009.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng), lãi trong hạn là 7.472.957 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 1.211.364 đồng (Một triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201200340 ngày

01/8/2012 và Phụ kiện Hợp đồng tín dụng số 01.201200340/2012/PKHĐTD ngày 10/01/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 11.673.988 đồng (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 7.996.492 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng), lãi trong hạn là 2.250.568 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng), lãi quá hạn là 1.426.928 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-201400806 ngày 23/8/2014 tính đến ngày 23/03/2023 là 18.828.439 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 12.333.361 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi một đồng), lãi trong hạn là 3.471.156 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn một trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 3.023.922 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Lê Văn T phải chịu số tiền là 3.359.787 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần X đã dự nộp 1.510.00 đồng (Một triệu năm trăm mười nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003344 ngày 14/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Mỹ Xuyên